

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 95/2002/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phê duyệt Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam đến năm 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005;

Căn cứ vào Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58/CT-TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa giai đoạn 2001 - 2005; Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Tờ trình số 2297/TTr-BKHCNMT ngày 15 tháng 8 năm 2001) và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tờ trình số 3215/BKH-VPTĐ ngày 23 tháng 5 năm 2002),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam đến năm 2005 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

Đến năm 2005 ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin Việt Nam đạt những đặc trưng và chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Trình độ và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trung bình trong cả nước đạt mức trung bình của các nước trong khu vực; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các ngành kinh tế mũi nhọn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ở Trung ương, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

2. Phát triển mạng viễn thông và Internet có công nghệ hiện đại với thông lượng ngày càng lớn, tốc độ và chất lượng cao, cung cấp cho xã hội, người tiêu dùng các dịch vụ đa dạng với giá cả tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực. Đến năm 2005, tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước được kết nối bằng cáp quang, tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 4 đến 5% trên tổng số dân.

3. Công nghiệp công nghệ thông tin đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20 - 25%, hỗ trợ các ngành quan trọng phát triển, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng cao và bền vững của nền kinh tế.

4. Đào tạo thêm 50.000 chuyên gia về công nghệ thông tin ở các trình độ khác nhau, trong đó có 25.000 chuyên gia trình độ cao và lập trình viên chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ cần thiết cho công nghệ thông tin.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong những lĩnh vực ưu tiên.

a) Các lĩnh vực kinh tế - xã hội đóng vai trò quan trọng thiết yếu nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp; phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Trong an ninh và quốc phòng.

c) Trong các dịch vụ hành chính nhà nước và các dịch vụ xã hội khác. Trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

d) Xây dựng và đưa vào hoạt động một số hệ thống thông tin điện tử, từng bước kiến tạo hạ tầng thông tin quốc gia tiến tới một hệ thống thông tin quốc gia thống nhất.

2. Phát triển mạng viễn thông và Internet quốc gia.

Phát triển mạng viễn thông và Internet tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy phủ sóng trong cả nước. Hình thành xa lộ thông tin quốc gia có dung lượng lớn, tốc độ cao.

Cung cấp dịch vụ truy cập băng rộng đến tận hộ tiêu dùng: cáp quang, vô tuyến băng rộng, thông tin vệ tinh... Phát triển các mạng thông tin dùng riêng.

Đẩy nhanh việc phổ cập Internet trong các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội tạo điều kiện cho người tiêu dùng có thể tiếp cận, truy cập Internet với chất lượng tốt, giá cả tương đương mức bình quân các nước trong khu vực.

Phát triển Internet để ứng dụng các loại hình dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin khác nhau như: báo chí điện tử, thương mại điện tử, hành chính điện tử, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, giáo dục, đào tạo, y tế qua mạng... phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mở cửa cho phép thêm nhiều nhà cung cấp dịch vụ kết nối (IXP), dịch vụ truy nhập (ISP), dịch vụ ứng dụng (OSP) tham gia cạnh tranh bình đẳng nhằm nâng cao hiệu quả và thúc đẩy thị trường phát triển.

Tới năm 2005 số người sử dụng Internet tăng ít nhất 10 lần so với năm 2000, đạt chi tiêu 1,3 đến 1,5 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 4 đến 5% trên tổng số dân. Tạo điều kiện cơ bản để đến năm 2010 tỷ lệ người sử dụng Internet của Việt Nam đạt mức trung bình khu vực.

Năm 2002 - 2003 tất cả các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề được kết nối Internet. Năm 2005: 500% số trường phổ thông trung học trên toàn quốc; tất cả các bệnh viện tuyến Trung ương và trên 50% số bệnh viện tuyến tỉnh được kết nối Internet.

Năm 2005 mạng thông tin của tất cả các Bộ, ngành, các cơ quan hành chính của bộ máy quản lý nhà nước Trung ương, chính quyền địa phương cấp tỉnh và huyện được kết nối với mạng diện rộng của Chính phủ và Internet; hầu hết cán bộ, công chức tại các đơn vị trên có khả năng sử dụng các ứng dụng trên Internet phục vụ công tác chuyên môn; đưa Internet vào phục vụ nền hành chính công điện tử.

3. Xây dựng ngành công nghiệp công nghệ thông tin.

a) Công nghiệp phần mềm.

Xây dựng công nghiệp phần mềm thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm 30 - 35%. Khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư từ các khu vực kinh tế khác nhau, kể cả khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, để thu hút vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp phần mềm. Khuyến khích hình thành và có chính sách ưu đãi phát triển các khu công nghiệp phần mềm tập trung với những quy mô khác nhau. Nhà nước trực tiếp đầu tư khoảng 50 - 70 triệu USD hỗ trợ các dự án phát triển nguồn lực, phát triển thị trường, phát triển sản phẩm.

Đến năm 2005, đạt tổng sản lượng 500 triệu USD, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD.

Thu hút được 25.000 đến 30.000 chuyên gia và lập trình viên chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ làm việc trong công nghiệp phần mềm.

b) Công nghiệp phần cứng.

Phát triển nhanh công nghiệp phần cứng trong lĩnh vực máy tính và truyền thông.

Đảm bảo máy tính, thiết bị truyền thông sản xuất, lắp ráp trong nước chất lượng cao, đáp ứng khoảng 80% như cầu nội địa, có sức cạnh tranh về giá trên thị trường thế giới và khu vực để tham gia xuất khẩu.

Đẩy mạnh việc sản xuất các thiết bị thông tin và xử lý thông tin, đặc biệt là các thiết bị có kết nối với mạng máy tính.

Có chính sách đặc biệt để thu hút đầu tư nước ngoài và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước cho phát triển công nghiệp phần cứng, đặc biệt là thu hút các công ty đa quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin đầu tư và chuyển giao công nghệ ở Việt Nam.

4. Phát triển nguồn nhân lực.

Nâng cao chất lượng đào tạo về công nghệ thông tin trong hệ thống giáo dục và đào tạo hiện có thông qua việc nâng cao trình độ của giáo viên, giảng viên; cập nhật giáo trình hiện đại theo nhu cầu của xã hội và thị trường; tạo điều kiện cho sinh viên, học sinh có cơ sở vật chất tốt cho học tập công nghệ thông tin (máy tính, thư viện, Internet, phòng thí nghiệm,...).

Xây dựng mới một số cơ sở chuyên trách đào tạo chất lượng cao các kỹ sư, cử nhân và sau đại học về công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu về lao động chuyên nghiệp cho công nghiệp công nghệ thông tin, cho nghiên cứu và giảng dạy công nghệ thông tin. Kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả công tác đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu công nghệ thông tin.

Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin thích hợp cho sinh viên các ngành không chuyên công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành này và tạo điều kiện để phát triển các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới của các ngành này kết hợp với các thành tựu, phương pháp của công nghệ thông tin; triển khai việc đào tạo công nghệ thông tin chuyên ngành cho các cán bộ, kỹ sư, sinh viên tốt nghiệp các ngành không chuyên công nghệ thông tin. Từ năm 2002 đến năm 2005, mỗi năm đào tạo theo loại hình này khoảng 2.000 - 3.000 người với những chương trình đào tạo thiết thực.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho gửi đi đào tạo chính quy ở nước ngoài hàng năm khoảng 300 sinh viên (đại học và sau đại học) và 500 chuyên viên, cán bộ các cấp (chuyên viên quản lý công nghệ thông tin, giáo viên đại học và cao đẳng, nghiên cứu viên, kỹ sư đang làm việc trong công nghiệp công nghệ thông tin) đi thực tập ngắn hạn, nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở các nước và khu vực có nền công nghệ thông tin phát triển.

Gấp rút đào tạo đội ngũ chuyên gia công nghệ thông tin cấp cao (đứng đầu các dự án, đứng đầu các doanh nghiệp công nghệ thông tin...) và các chuyên gia đầu ngành công nghệ thông tin.

Bổ túc kiến thức công nghệ thông tin cho tất cả các giáo viên các cấp học, bậc học. Giảng dạy về ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên trong các trường sư phạm. Chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và quản lý giáo dục.

Xã hội hóa công tác giáo dục đào tạo về công nghệ thông tin, khuyến khích các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế và các cá nhân tham gia đầu tư phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin. Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến kiến thức, thông tin về công nghệ thông tin trong toàn xã hội. Tạo điều kiện và môi trường thu hút người nước ngoài, đặc biệt người Việt Nam ở nước